

NGÔN NGỮ ANH

Mã ngành: 8220201

Thời gian đào tạo: 02 năm

ĐẠT KIỂM ĐỊNH MOET

THAM KHẢO KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

▶ KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng học tập toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức chung	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		
				Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành	Thực tập và tốt nghiệp
Thạc sĩ	2 năm	60	18	12	15	15

▶ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Loại HP		Điều kiện		Đợt học/ Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
Kiến thức chung: 18TC (8 TC bắt buộc, 10 TC tự chọn có định hướng)										
1	KTC7001	Triết học	4	4	0	x				I
2	KTC7006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	4	0	x		KTC7001		I
3	KTC7012	Phương pháp dạy học đại học	2	2	0	x				I
4	KTC7012NN	Academic writing	3	3	0	x				I
5	KTC7013NN	Advanced report writing	2	2	0	x		NNA7012		I
6	KTC7014NN	Theories of language learning	3	3	0	x				I
Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 27 TC (trong đó 18 TC bắt buộc và 9 TC tự chọn)										
Kiến thức cơ sở ngành: 12 TC (trong đó 6 TC bắt buộc, 6 TC tự chọn)										
1	NNA7034	Linguistics P.G.	3	3	0	x				II
2	NNA7035	Applied linguistics	3	3	0	x		KTC7012NN KTC7013NN KTC7014NN NNA7034		II
Chọn 2 trong 6 học phần sau:										
1	NNA7015	Contrastive linguistics	3	3	0		x	KTC7006 NNA7034 NNA7035		II
2	NNA7037	Language awareness	3	3	0		x	NNA7034 NNA7035		II
3	NNA7040	Second language acquisition	3	3	0		x	NNA7034 NNA7035		II
4	NNA7036	Language and culture	3	3	0		x	NNA7034 NNA7035		II
5	NNA7038	Intercultural communication	3	3	0		x	NNA7034 NNA7035		II
6	NNA7051	Stylistics	3	3	0		x	NNA7034 NNA7035		II
Kiến thức chuyên ngành: 15 TC (trong đó 12 TC bắt buộc, 3 TC tự chọn)										
1	NNA7016	Discourse analysis	3	3	0	x		NNA7034 NNA7035		III
2	NNA7041	Pragmatics	3	3	0	x		NNA7016		III
3	NNA7042	Advanced English teaching methodologies	3	3	0	x		NNA7035		III
4	NNA7045	Advanced translation theories	3	3	0	x		NNA7016 NNA7034 NNA7035 NNA7041		III
Chọn 1 trong 6 học phần sau:										
1	NNA7046	Technology in language teaching	3	3	0		x	KTC7010 NNA7035 NNA7042		III
2	NNA7048	Materials for language teaching	3	3	0		x	KTC7010 NNA7035 NNA7042		III
3	NNA7049	Language testing and assessment	3	3	0		x	KTC7010 NNA7035 NNA7042		III
4	NNA7050	Literature in language teaching	3	3	0		x	KTC7010 NNA7035 NNA7042 NNA7051		III
5	NNA7039	Sociolinguistics	3	3	0		x	NNA7016 NNA7041		III
6	NNA7044	Literary analysis	3	3	0		x	NNA7016 NNA7041 NNA7051		III
Thực tập và tốt nghiệp: 15 TC (Bắt buộc)										
22	NNA7052	Professional internship 1	3	0	3	x		Tất cả các học phần bắt buộc		IV
23	NNA7053	Professional internship 2 (Internship in an international environment)	3	0	3	x		NNA7052		IV
24	NNA7ĐA	Graduation project	9	0	9	x		Tất cả các học phần		IV
Tổng khối lượng học tập			60							

▶ LƯU Ý

Ngoại ngữ, học viên tự tích lũy đạt chuẩn theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thủ Dầu Một.